

Người Bạn Lính Cùng Một Tiểu Đội

trích hồi ký của PHÙNG QUÁN

LTS (D Đ-Paris) - Phùng Quán đã từ trần ngày 22 tháng 1 năm 1995. Nhân ngày giỗ lần thứ năm của nhà văn, chúng tôi xin trích đăng phần đầu một chương hồi ký mà tác giả viết khoảng 1991-92. Chương này kể lại những kỉ niệm về Tuân Nguyễn, người bạn cùng tiểu đội của ông. Phùng Quán bị đánh thời Nhân văn (56-58), Tuân Nguyễn bị đánh năm 64, trước cả " vụ xét lại ". Đây vừa là một chứng từ chân thực, vừa là một áng văn đầy ắp tình người. Cảm ơn Thông điệp xanh đã vui lòng cho phép đăng lại chương hồi ký này.

Vào những năm đầu của thập kỷ sáu mươi (1960), trên các mặt báo trung ương và địa phương các trang thơ tràn ngập đề tài sản xuất, chiến đấu, ca ngợi các hợp tác xã điển hình, các nông trường, các nhà máy, hầm mỏ tiên tiến, nào " sóng Duyên Hải, gió Đại Phong ", nào gương người tốt việc tốt, tổ cáo tội ác Mỹ Diệm..., thôi thì đủ thứ.

Bỗng dưng, trên một trang thơ tuần báo Văn Nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam xuất hiện một bài thơ tứ tuyệt, nhan đề : Nghe nhạc Strauss. Tên tác giả lạ hoắc : Tuân Nguyễn.

Đã hơn ba mươi năm trôi qua kể từ ngày ấy, nhưng bài thơ nọ vẫn đọng lại tinh khôi trong trí nhớ của tôi.

Sóng sông Hồng bỗng xanh màu Danube

Nhạc bỗng bênh trôi tới các vì sao...

Trời lung linh khẽ chao mình theo nhịp

Những người nước lạ phải lòng nhau...

Đề tài và nội dung bài thơ lạc lõng giữa biển thơ-hiện-thực sục sôi, nóng bỏng, thơ-minh-họa cho cuộc đấu tranh giai cấp " long trời lở đất ", khẳng định con đường " ai thắng ai ".

Như thể tự thấy mình chẳng giống ai, bài thơ đã tứ tuyệt rồi mà vẫn còn nép mình ở góc cuối trang báo, khiêm nhường, nhỏ thó với vẻ ngơ ngác, lo lắng, nhìn lên những bài thơ bốc lửa, hùng hực khí thế đấu tranh, sang sảng lạc quan cách mạng của những tên tuổi thời thượng...

Có điều lạ là ngay sau khi xuất hiện, bài thơ nhỏ bé nọ lập tức nổi tiếng, được nhiều độc giả mến mộ thơ ngày đó nhắc nhở, truyền tụng ; nhiều đôi trai gái chép vào sổ tay tặng nhau...

&

Mùa hè năm 1950. Trảng cát Phong Chương bắc Thừa Thiên bị rang bỏng dưới cái nắng như dội lửa. Gió Lào khô rất thổi tung cát thành những đám mây, phủ trùm lên một vùng cỏ cây cằn cỗi, nhuộm màu cháy xém.

Tôi lúc đó là tiểu đội trưởng một tiểu đội mũi nhọn trong đại đội chủ công trung đoàn quân chủ lực 101.

Tôi cùng tiểu đội dầm mình trong cát bỏng, gió Lào, mài mê luyện tập môn đánh bọc phá, chuẩn bị cho chiến dịch hè thu.

Tiểu đội tôi trẻ nhất đại đội, toàn những chàng trai 17, 18, 19... Tôi đang làm thị phạm động tác ôm thủ pháo chuẩn bị lao lên đột phá khẩu thì cậu Tiệm, liên lạc viên của đại đội, tay xách tiểu liên " Tuyen ", đầu đội mũ nan giắt đầy lá ngụy trang, chạy như ngựa tể băng qua những động cát, nhảy phóc qua những dây xương rồng gai mặt nguyệt, chạy thẳng đến bãi tập. Tiệm đứng nghiêm, đưa tay lên vành mũ chào, vừa nói, vừa thở : " Báo cáo tiểu đội trưởng ! Đại đội trưởng triệu tập đồng chí về ngay đại đội bộ ! Hết ! "

Tôi giao tiểu đôi lại cho tiểu đôi phó tiếp tục khoa mục tập. Khoác lên vai khẩu tiểu liên " Mát " tôi

học tốc chạy theo Tiệm về đại đội bộ. Tôi đoán chừng đại đội trưởng điều động tiểu đội tôi đi phối hợp chiến đấu với một đơn vị nào đó.

&

Đại đội trưởng chỉ hơn tôi ba bốn tuổi, cũng trẻ măng, nhưng đã được tặng thưởng huân chương Quân công. Anh đang ngồi trước bộ tràng kỷ bằng tre. Trên bàn một siêu nước lá vàng và mấy cái bát sành. Ngồi đối diện với anh là một thanh niên trạc tuổi tôi, dáng dấp học trò, tóc chải ộp, áo sơ mi màu trứng sáo, quần tây xám, chân dận dép sáng đan da. Anh ta đeo kính trắng, cái miệng thật rộng và thật tươi.

- Báo cáo Đại đội trưởng ! Tiểu đội trưởng Quán có mặt !

Đại đội trưởng chỉ chiếc ghế tre chỗ cạnh anh, nói :

- Quán ngồi xuống đây.

Anh rót cho tôi một bát nước lá vàng đắng ngắt vị bộc phá.

Chờ tôi uống cạn bát nước và kéo vạt áo quần phục sũng mồ hôi lau gương mặt sạm đen, đầy bụi cát, anh giới thiệu một thanh niên lạ mặt ngồi đối diện :

- Đồng chí Nguyễn Tuấn đây hoạt động trong phong trào học sinh kháng chiến nội thành. Tuấn học trường Providence, đỗ tú tài toán. Vừa rồi, sau vụ học sinh bãi khóa, Tuấn bị lộ. Thị ủy Huế bố trí cho Tuấn theo đường dây lên chiến khu. Nguyên vọng của Tuấn là được gia nhập quân đội. Trung đoàn tiếp nhận, bố trí đồng chí ấy làm việc tại phòng Chính trị. Nhưng Tuấn lại tha thiết muốn được cầm súng chiến đấu. Trên cử đồng chí ấy về đại đội ta. Tôi đã trao đổi với chính trị viên. Chúng tôi quyết định : Tuấn sẽ về tiểu đội của Quán. Qua thư giới thiệu của Phòng chính trị trung đoàn, thì Tuấn giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh, biết cả chữ Hán, lại có khả năng sáng tác văn thơ... Chúng tôi nghĩ hai đồng chí cùng trạc lứa tuổi, lại cùng thích văn thơ, chắc sẽ hợp nhau...

&

Tôi dăm dăm nhìn người đội viên mới của tiểu đội mình. Ý nghĩ đầu tiên là cậu ta quá thư sinh, đã thể dáng dấp lại còm nhom, hai cánh trần nom như hai ống quyển, và hai cẳng chân chắc cũng không to hơn. Thế mà hành trang một người lính trận thì nào súng, cơ sở đạn, lựu đạn, bộc phá, ruột tượng gạo, ống muối, ba lô... Khi cần tuýt một tiếng còi chỉ huy, tất cả phải nằm gọn trên lưng, trên vai, quanh thắt lưng chỉ trong vòng ba phút. Và phải lên đường hành quân bất kể ngày đêm, bất kể sấm chớp, mưa bão, lửa đạn...Tự nhiên tôi đâm giận hăn. Chắc khi ngồi mài đũng quần trên ghế nhà trường, cậu ta say sưa đọc câu thơ " Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa ", mơ mộng thấy đời lính trận mê ly lắm. Chỉ cần mấy hôm thôi, cậu ta sẽ thấm đòn thế nào là " phai bạc áo hào hoa ". Sao hăn ta không ở lại trung đoàn bộ làm lính văn phòng có hơn không ?

" Đồng chí Quán vào Vệ Quốc Đoàn từ trước ngày Huế nổ súng - lời giới thiệu của Đại đội trưởng về tôi cho Tuấn nghe cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi - Quán đã tham gia chiến đấu ở mặt trận Huế, rồi mặt trận phía Nam, đèo Phát Tượng, Truồi, Nong... Tuy cùng trạc lứa tuổi với đồng chí, nhưng Quán là cựu binh của Trung đoàn, giải đấu trận mạc không thua chúng tôi đâu. Quán còn là cây văn nghệ quần chúng của đại đội. Chúng tôi mong hai cậu sẽ thân thiết nhau.

Tôi và Tuấn Nguyễn biết nhau từ đó.

&

Khi hai chúng tôi đã khá thân nhau, tôi thường đọc cho Tuấn nghe thơ tôi làm. Những bài thơ tràng giang đại hải, sắc mùi lính tráng.

Một hôm, nhân bàn chuyện thơ, Tuấn hỏi tôi :

- Này, cậu có biệt hiệu không ?

- Có chứ, tôi đáp. Lúc đầu mình lấy biệt hiệu là Lúa Xanh. Nhưng sau đó nghe nó thối thối làm sao ấy, nên bỏ. Đang cố rặn ra một biệt hiệu khác, nghe đỡ nặng mùi hơn, nhưng chưa ra... Khi mới tập tọng làm thơ, người ta ai cũng nghĩ rằng việc quan trọng đầu tiên là phải có một cái biệt hiệu thật kêu, kiểu như các thi sĩ nổi danh : Tản Đà, Kinh Kha, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, T.T.K.H., Hoàng Cầm...

Tuấn nói :

- Mình cũng từng nghĩ vậy. Rồi thấy biệt hiệu, biệt hiếc, vô duyên ồm... Tên cha mẹ đặt cho thế nào cứ để nguyên nó thế ấy. Khốn nỗi, tên mình lại trùng với ông Nguyễn Tuấn Vạn bóng một thời quá

nổi tiếng. Mình đành xoay ngược nó thành Tuân Nguyễn. Tuân Nguyễn ! Nghe cũng vô duyên, nhưng thôi, đành vậy.

- Cậu thấy thơ mình thế nào ? - tôi hỏi hộp hỏi Tuân, trong bụng chờ được Tuân khen. Cả đại đội khen thơ mình, nhiều cậu còn chép để học thuộc đấy.

Tuân Nguyễn nhìn tôi qua tròng kính cận dày cộp, chột mím cười. Cái miệng Tuân cười thật rộng, thật tươi...

- Thơ của cậu, hai mươi câu đầu để giữ gìn trật tự, hai mươi câu cuối chuẩn bị cho người nghe vỗ tay, còn đoạn giữa là về !...

Tôi không ngờ thơ của mình bị ông bạn mới " mặt sát " đến thế. Tôi đau quá, nổi sùng, chỉ muốn đập cho hẵn một đập ! Nhưng tôi đã ghìm được, vì nhớ đến chức danh Tiểu đội trưởng của mình.

Tiểu đội trưởng mà đập đội viên vì thơ bị chê thì ê quá.

Nhưng Tuân hình như không để ý gì đến thái độ giận dỗi của tôi. Cậu ta đọc cho tôi nghe những bài thơ cậu ta làm, đủ các thể loại : tứ tuyệt, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú, lục bát, những bài thơ mỗi đoạn bốn câu ba vần... Mặc dầu tự ái một cây, tôi phải cay đắng nhận rằng bên cạnh những bài thơ ý tứ hàm súc, đầy nhạc điệu của Tuân, thơ tôi đúng là những bài về tràng giang đại hải, không chối vào đâu được.

Từ đó đến nay đã hơn bốn mươi năm trôi qua, mỗi lần tôi đặt bút định viết một bài thơ, lời nhận xét vừa nghiêm khắc, vừa giễu cợt của Tuân lại vang vọng bên tai tôi, làm tôi chùn bút.

Một đêm ở chiến khu Cầu Nhi, hai chúng tôi nằm trên sạp nứa, gác vế lên nhau, Tuân khuyên tôi :

- Cậu phải học luật thơ Đường làm cái vốn cơ bản, sau đó phát huy thành các thể thơ tự do, mới hy vọng thơ có thể khá lên được.

Tôi mộng ước được làm nhà thơ, tôi chấp nhận lời khuyên của Tuân. Tôi hạ quyết tâm phải học thành thực luật thơ Đường. Ban ngày tôi dạy Tuân các môn xạ kích, ném lựu đạn, đâm lê, đánh bộc phá... Đêm đến, bên bếp lửa bập bùng chiến khu, Tuân giảng dạy tôi luật bằng trắc, luật các vế đối, luật cấu trúc các thể loại thơ Đường : tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, ngũ ngôn... Tôi dùng mũi đinh nhọn ghi lời giảng dạy lên bảng sừng để lúc nào cũng có thể ôn lại được. Tôi tập làm thử một số bài thơ theo cách Tuân dạy. Nhưng làm xong tôi phải vo viên liệng ngay vô bếp, không dám đọc cho ai nghe. Trong nghề thơ, tôi tự ví mình như anh chàng ham trò đánh nhau nhưng chỉ quen dùng độc một môn " võ dân gian " là " đá củ đậu ", ba năm võ tào không bằng một chầu đá củ đậu. Bây giờ tôi phải học đâm lê theo đúng quy tắc, một bước tiến, hai bước lùi... gạt trái, đâm phải... làm sao tiếp thu nổi.

Mỗi lần nghĩ về người đội viên mới của mình, lòng tôi lại thấy buồn vì ghen tài và đố kỵ : " Hẳn mới là người được trời sinh ra để làm thi sĩ. Tên tuổi hẳn nay mai sẽ lẫy lừng trên thi đàn đất nước. Còn mình dù cố gắng đến hết đời cũng chỉ là một anh ỏ văn nghệ quần chúng, ca dao, hò, vè...". Để dịu bớt đau khổ, tôi tự an ủi : " Nhưng về mặt binh nghiệp mình sẽ hơn hẳn. Khi hẳn nổi danh về văn thơ, thì mình sẽ lên đến chức Sư đoàn trưởng. Vậy là huề !"

&

Những năm 1950, 1951, 1952 là những năm gian lao nhất của chiến trường Thừa Thiên. Những trận lụt bão chưa từng thấy cuốn phăng cả một làng ở bên Phá Tam Giang. Biển Thuận An nổi sóng thần, ném những thuyền đánh cá lớn lên bãi cát như ném cái vỏ trứng. Giặc Pháp hòa với thiên tai tổ chức những trận càn lớn, phối hợp cả thủy lục không quân, tăng pháo ; quyết xóa sổ trung đoàn 101 chúng tôi. Chúng tôi phải đánh những trận đẫm máu và tổn thất khá nặng nề.

Nhưng nỗi gian lao thường trực của chúng tôi chưa phải là lụt bão, bom đạn, mà là đói. Đói là người. Đói mờ mắt. Có đến sáu tháng liền, chúng tôi phải ăn thứ gạo chôn dưới đất lâu ngày bị ngập lụt.

Gạo mục, mủn, có mùi hôi thối như phân người ôi, mà muốn có thứ gạo mục thối đó, chúng tôi phải vượt qua những hệ thống đồn bót dày đặc, lượn sâu vào hậu địch, rình rập hàng trăm họng súng phục kích... Nhiều anh em chúng tôi bị giặc bắn gục trên đường đi lấy gạo. Nhiều ruột tượng gạo mang về đến đơn vị, xổ ra, đỏ lôm những máu, nhưng không thể bỏ đi. Chúng tôi tìm đủ cách để vuốt gạo cho sạch máu. Những hạt gạo mục xộp hút máu như giấy thấm. Chúng tôi ngâm gạo xuống suối, nhờ nước rửa máu. Ngâm suốt đêm, sáng vớt gạo lên vẫn có màu hồng hồng. Chúng tôi bưng bát cơm chan máu đồng đội, nhắm mắt nhắm mũi lùa vào miệng thật nhanh và nuốt chửng... Mỗi chén cơm chúng tôi trộn một phần tư chén ớt bột, loại ớt hiểm, cho dịu bớt vị tanh của máu...

&

Từ ghế nhà trường, Tuân Nguyễn nhảy thẳng vào đơn vị tôi đúng thời điểm khốc liệt đó. Hôm đầu tiên, tôi còn nhớ như in, Tuân bưng bát cơm chan máu đồng đội lên ăn, mới và được hai miếng, anh

nôn thốc nôn tháo. Tôi nói với Tuấn : " Cứ trộn thật nhiều ớt vô lửa thật nhanh, không nên chần chừ ". Tuấn ứa nước mắt nói : " Nhưng mình không quen ăn vậy... Mình chỉ sợ anh em cho mình là học sinh tiểu tư sản, không chịu được gian khổ... Cậu nói giúp với anh em thông cảm cho mình... lần sau mình sẽ cố gắng không như thế nữa..."

Đêm đó, họp tiểu đội, Tuấn đứng lên xin lỗi, đã làm cho bữa ăn của anh em mất ngon. Tuấn còn nói thêm : " Ngay cả trong thiên anh hùng ca bất hủ Odyssée của Homère, cũng không có hình ảnh nào dữ dội và bi tráng như bát cơm thấm máu mà chúng ta ăn... Tôi sẽ ghi khắc nó vào ký ức ; và nếu qua cuộc chiến tranh mà tôi còn sống, nhất định tôi sẽ đặt nó vào trong tác phẩm của tôi ". Anh em trong tiểu đội chẳng hiểu Tuấn muốn nói gì, nhưng vẻ mặt và giọng nói của cậu ta làm họ cảm động. Họ còn xúm lại an ủi, động viên : " Đồng chí cứ ăn năm, bảy lần rồi sẽ quen thôi. "

Điều làm tôi lo lắng bấy lâu hơn cả là chuyện cử Tuấn đi lấy gạo, Tuấn chưa quen chiến trận, vừa chậm, vừa yếu, lại cận thị. Nếu cử cậu ta vào địch hậu lấy gạo, chết dễ như chơi. Nhưng tôi là tiểu đội trưởng, việc phân công anh em mình vào địch hậu lấy gạo, phải hết sức công bằng. Mỗi lần họp tiểu đội phân công, tôi phải tìm đủ cách để tránh cho Tuấn công việc nguy hiểm này : " Đồng chí Tuấn ở nhà làm bích báo cho đại đội ". " Đồng chí phải viết xong cho cả tiểu đội khẩu hiệu : *Ô Rèn cán chính quân* để cài lên mũ trong đợt tổng diễn tập sắp đến ". " Đồng chí phải hoàn thành bài thơ nói lên lòng quyết tâm, tinh thần hăng say luyện tập trong thời gian qua của tiểu đội ta, để đọc vào dịp liên hoan văn nghệ kết thúc đợt luyện tập ! "

Tuy vậy, cứ làm mãi cách đó, anh em bắt đầu xì xào phản ứng. Họp tiểu đội, anh em phê bình tôi hết sức gay gắt : " Đồng chí tiểu đội trưởng thiên vị đồng chí Tuấn ! ". Có anh còn chua chát hơn : " Dù đồng chí Tuấn có đậu tú tài, có văn hay chữ tốt, nhưng đã ăn thì cũng phải đi lấy gạo như anh em." Tuấn đứng bật ngay dậy, yêu cầu được phân công đi lấy gạo, nhưng tôi cương quyết gạt đi. Tôi đành giọng, nói : " Tôi không thiên vị ai hết ! Làm bích báo, viết khẩu hiệu, làm thơ cũng cần thiết như việc đi lấy gạo. Tôi sẽ phân công đồng chí Tuấn đi lấy gạo tối nay. Nhưng hiện đồng chí phải dịch truyền đơn địch vận ra tiếng Tây, do phòng Chính trị trung đoàn yêu cầu, mà phải dịch gấp. Đây, truyền đơn địch vận trung đoàn mới giao về hôm qua đây. Giấy bút đây ! Đồng chí nào có thể đảm nhiệm công việc này thay đồng chí Tuấn, xin giơ tay cho biết ! " Thế là cả tiểu đội ngồi ngay như phỗng. Quá nửa tiểu đội tôi trình độ văn hóa lớp một, lớp hai, số còn lại vừa đọc vừa đánh vần. Trong cuộc đời chiến sĩ của tôi, nếu có một niềm tự hào nào đó đáng ghi nhớ, thì đó chính là niềm tự hào : trong những năm gian truân nhất của cuộc kháng chiến chín năm, tôi đã tận dụng quyền lực tiểu đội trưởng để bảo vệ một nhà thơ tương lai của đất nước.

&

Sang cuối năm 1953, hai chúng tôi phải xa nhau vì nhiệm vụ của chiến trường. Tôi được cử đi học trường Quân chính Bình Trị Thiên. Tuấn Nguyễn được bổ sung vào đơn vị tình nguyện quân mặt trận Trung Lào.

Mãi đến năm 1957 chúng tôi mới gặp lại nhau. Hòa bình lập lại, Tuấn ra khỏi quân ngũ, đi học tiếp và tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm, làm thầy giáo. Sau đó được điều về Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Lương của Tuấn Nguyễn năm đó là 93 đồng. Còn tôi, lâm vào cảnh khổ nạn văn chương Nhân Văn Giai Phẩm phải về tá túc bên bờ hồ Tây, nhập phường câu cá trộm...

Trong khi bạn bè thân thích, kể cả máu mủ ruột thịt, người yêu, đều xa lánh tôi, thì Tuấn Nguyễn vẫn gần bó, cứ mang tôi. Mặc dầu lúc này anh là người có chức danh của một cơ quan quan trọng, bắt đầu có tiếng tăm trên thi đàn. Tuấn mò tìm được nơi tôi tá túc, thường xuyên mang cho tôi áo quần, tem gạo, phiếu thịt, kẹo, thuốc lá căng tin... (kẹo, thuốc lá do cơ quan bán theo tiêu chuẩn bậc lương). Mỗi lần đem cho như vậy, Tuấn rất sợ tôi méch lòng, tủi thân, nên bao giờ cũng tìm cách nói thác. " Có bộ áo quần mình thuê may hỏng, mặc rộng thùng thình cứ như áo tể. Cậu đem người hơn mặc giúp mình cho đỡ phí ". " Một nhà báo ngoại quốc có nhận xét người Việt Nam ta rất có đầu óc hài hước. Hài hước ngay cả trong việc sản xuất bánh kẹo. Ngoài bao bì để kẹo cứng thành kẹo mềm muốn chảy nước. Nếu để kẹo mềm thì cần muốn vỡ răng. Này, cậu khoẻ răng ăn giúp mình hai gói kẹo mè này ".

Một lần, tôi hỏi Tuấn : " Cậu hay gặp mình, thế nào cơ quan họ cũng biết. Cậu không ngại à ? " Tuấn Nguyễn vốn là người ăn nói hết sức nhã nhặn, lịch sự. ở cơ quan cấm ai thấy cậu ta vắng tục. Nhưng chỉ khi hai đứa với nhau, hoài niệm cuộc sống lính tráng, cậu ta vắng tục ào ào : " Có ngại cái con cặc ! Đù mẹ, mình căm ghét nhất là thói vô ơn ! Nếu ngày đó cậu không chơi trò ỏ Nhân danh tiểu đội trưởng ỏ thì chắc mình đã nằm mục xương giữa trắng cát Phong Chương, Thanh Lam Bồ, Phú Đa, Hà Thanh... với một ruột tượng gạo thối mục đầy máu... Cậu quên rồi à, đúng cái hôm cậu phịa chuyện Phòng chính trị giao mình dịch truyền đơn địch vận, bốn cậu được cử đi lấy gạo, tụi phục kích xơi tái mất hai, cậu gì nhỉ, à cậu Lượng, cậu Vinh... Có đâu mình còn sống đến bây giờ mà đại học đại hiếc, nhà thơ nhà thiếc, phát thanh phát thiếc !... Cút ! "

&

Năm 1963, vợ chồng tôi sinh con gái đầu lòng. Đến đón cháu ở nhà hộ sinh A, có bà ngoại cháu (bà đã mất năm 1986), tôi và Tuấn Nguyễn.

Vợ tôi vui lắm, nói với hai người :

- Bà với chú Tuấn thấy cháu có xinh không ?

Tuấn cúi xuống nhìn gương mặt nhỏ xíu còn đỏ hồng của cháu, cười cười. Bà ngoại cháu vốn suốt đời chỉ biết công việc nội trợ, và gần như không biết chữ, buột miệng nói :

- Bây giờ thì mẹ mừng mừng rỡ rỡ thế đấy, không biết đời con rồi có ngóc đầu dậy được không !...

Bà ngoại và hai mẹ con đi xích lô về nhà. Tôi và Tuấn lững thững đi bộ dọc đường Ngô Quyền. Dáng vẻ cậu ta trở nên trầm ngâm và lặng lẽ. Im lặng một lúc khá lâu, Tuấn chợt nói :

- Bà cụ nói thật khủng khiếp ! Đó là lời tiên đoán về số phận những nghệ sĩ quyết định " Yêu ai cứ bảo là yêu. Ghét ai cứ bảo là ghét. Dù ai ngon ngọt nuông chiều. Cũng không nói yêu thành ghét. Dù ai cầm dao dọa giết. Cũng không nói ghét thành yêu...".

Lời nhận xét bất ngờ của Tuấn làm tôi bất giác rung mình. Một câu Kiều chợt ập đến trong đầu : " Đường xa nghĩ đến đoạn trường mà kinh ! "

Tuấn bảo tôi :

- Bắt đầu từ hôm nay, mỗi tháng mình gửi cậu 5 đồng mua sữa cho cháu. Hàng tháng cứ đến ngày mùng ba - ngày mình lĩnh lương - cậu chịu khó đến chỗ mình. Sợ có khi mình mắc việc, không xuống chỗ cậu được. Nếu mình đi công tác vắng, mình sẽ gửi lại chỗ cậu V. ở tổ thợ.

Ngày đó, 5 đồng mua được ba hộp sữa Ba Vĩ. Lúc chia tay, Tuấn còn dặn thêm :

- Lỡ khi nào cậu kéo không được gì, nếu tiện đường tạt vào chỗ mình mà ăn cơm. Cơm tập thể chỗ mình khá lắm...

Từ đấy, hôm nào cạn túi, tôi lại đạp xe lên 20 phố Tràng Tiền, bếp ăn tập thể của cơ quan Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam. May mắn được gặp Tuấn là no bụng.

&

Tuấn Nguyễn sống trong một gian buồng nhỏ, rộng chừng 8 mét vuông, ở tầng gác hai, ngay đằng sau gian nhà ăn tập thể. Buồng kê một giường cá nhân, một giá sách lớn che kín mặt tường chiều ngang. Cạnh giá sách là bàn viết. Đối diện cửa ra vào treo chân dung Dostoevsky lồng khung kính trên tường, phía đầu giường treo ảnh của cậu ta, phóng to, cũng lồng khung kính. Đó là hai vật trang trí độc nhất trong gian buồng.

Trên giá sách, có khoảng vài chục cuốn sách tiếng Việt. Còn lại là sách tiếng Pháp, tiếng Anh. Tiền lương tháng, ngoài tiền ăn, một ít dùng may mặc, tiền cho tôi, Tuấn dồn hết vào việc mua sách.

Tuấn là khách quen của cửa hàng sách ngoại văn. Toàn tập Dostoevsky, toàn tập Chekhov, toàn tập Brecht, Maxim Gorki, Jack London...

Tôi đến, hầu như lúc nào cũng bắt gặp Tuấn hí hoáy trước bàn viết. Trước mặt, hai ba cuốn sách mới... Tôi biết lúc này cậu ta hoàn toàn đắm mình trong suy tưởng, mộng mơ.

Đã từ lâu, Tuấn chuẩn bị viết tác phẩm văn xuôi quan trọng của đời mình, anh tâm sự. Chủ đề tác phẩm là một thanh niên trí thức say mê cách mạng, lúc nào cũng sống trong mộng tưởng san phẳng hết mọi điều phi lý xúc phạm con người, và xây dựng một cõi địa đàng nhân loại. Kết cục con người cách mạng mộng mơ đó đã bị thực tế trần trụi, nghiệt ngã đè bẹp.

Tuấn Nguyễn đọc đến nát như toàn tập Dostoevsky. Cậu ta đọc Đốt đến rạc cả người. Nhà văn mà Tuấn đặt thành tích để vươn tới là Đốt.

Tuấn nói với tôi :

- Điều này mình chỉ nói riêng với cậu thôi. Nhiều đêm mình nằm mơ, cuốn sách của mình được in ra, và được những người sành văn đánh giá là sắp si với Đốt...

Bạn hữu chúng tôi không ai bảo ai cùng gọi đùa Tuấn là cụ Đốt. " Ta đến chơi cụ Đốt đi. Cụ Đốt vừa có thơ được in trên báo Văn Nghệ, ta đến bắt cụ khao một chén thịt chó ".

&

Một bữa, tôi và một người bạn đến chơi, bắt gặp cụ Đốt trong tình trạng bút rút, buồn bã. Tôi hỏi : " Có chuyện gì thế, Tuấn ? Hay tại chúng mình đến chơi hơi nhiều, quấy rầy cậu ? " Và chúng tôi nháy

nhau, dợm đứng lên, định chào ra về. Tuấn vội đưa tay ngăn lại : " Các cậu chẳng có liên quan gì hết, Tuấn nhìn đồng hồ đeo tay, nhà ăn sắp mở cửa rồi, đợi tý ta xuống ăn cơm ".

Tôi thầm đoán cậu ta chắc gặp chuyện gì rắc rối ở cơ quan. Nghe nói, trong đợt học tập Nghị quyết 9, cậu ta xin bảo lưu ý kiến, bị cơ quan đưa ra kiểm điểm vì những luận điệu ủng hộ chủ nghĩa xét lại Liên Xô. Cậu ta làm thơ ca ngợi Khrusov, đả kích Mao và Stalin... Tuấn lấy sách đỏ của Mao làm giấy lau bàn, có người trong cơ quan trông thấy, hốt lên với trên. Nói chung, vào thời gian ấy, những chuyện như thế là chuyện chết người cả.

Như đoán biết chúng tôi đang nghĩ gì, Tuấn giải thích :

- Cách đây hai hôm, mình dọn dẹp lại gian buồng, quét tước mạng nhện... Mình gỡ chân dung Dostoevsky và bức ảnh của mình xuống, lau sạch bụi rồi treo lại. Vừa dọn dẹp xong thì có mấy cô sinh viên văn khoa đến chơi. Một cô nhìn lên giá sách, hỏi mình : " Anh đọc nhiều sách, thế theo anh nhà văn nào lớn nhất, anh khâm phục nhất ? ". Lúc đó mình đang ngồi gần cửa ra vào. Theo thói quen, mình đưa thẳng tay chỉ lên chỗ treo chân dung Dostoevsky : " Ông này, chỉ một mình ông này thôi ! Đó là thiên tài của các thiên tài ! ". Các cô nhìn theo tay chỗ mình chỉ, không nói gì, nhưng đều quay lại nhìn mình với ánh mắt rất lạ, lúc đó mình không để ý...

Các cô về rồi, mình nhìn lên tường, thấy chân dung Dostoevsky treo hơi bị lệch. Mới bắc ghế đứng lên sửa lại. Nhìn gần mới biết té ra đó là ảnh của mình, chứ không phải chân dung Đốt. Thì ra, mình treo nhầm chỗ, do cận thị nên không nhận ra. Thế có chết người không chứ ? Thảo nào, mấy cô đều quay lại nhìn mình với ánh mắt rất lạ, mà lúc đó mình không hiểu tại sao. Không nói ra miệng, nhưng chắc chắn trong bụng các cô phải cho mình là một thằng cha kiêu căng đến ngu xuẩn !

Kể đến đó, nét mặt Tuấn càng rầu rĩ, ủ rũ hơn.

Tôi không sao nhịn được cười, tôi ôm bụng mà cười, tôi cười lẫn lộn, cười chảy nước mắt nước mũi !

- Thì đã sao ! Thì đã sao !... - tôi nói, càng cười dữ hơn - Cậu cũng là một cụ Đốt thứ hai đấy chứ !

Nga thì Đốt Tôi, Việt Nam thì Đốt Tuấn ! Ha ! Ha ha ! Ha ha ha ! Đó là một lầm lẫn vĩ đại !

Tuấn nổi quạu, giận dữ nói :

- Cậu thì chuyện chi cũng tếu được !

Tôi cố nhịn cơn cười, đưa ống tay áo quạt nước mắt nước mũi, lấy giọng nghiêm túc nói :

- Theo mình, biết đâu chính sự lầm lẫn này là cái điều báo hiệu xuất hiện một tài năng lớn. Có lần cậu đã kể với mình, nhà thơ Nekrasov sau khi đọc tác phẩm đầu tay của Đốt, đã đội tuyết Petersburg đến nhà Belinsky lúc một giờ sáng, mà reo lên : " Tôi đến báo với anh một tin vui : Nước Nga xuất hiện một Gogol mới ! Belinsky càu nhàu : các anh làm như Gogol là năm không bằng ! Quả nhiên, sau này Đốt còn vượt cả Gogol. Cũng có thể cậu rơi vào đúng trường hợp này. Mình biết cậu từ thuở 18, 19 tuổi. Mình không có cái tài tiên tri thấu thị của Nekrasov, nhưng mình có cái trực giác của người lính dãi dầu trận mạc. Mình đã tiên cảm trong tương lai, cậu sẽ là nhà văn làm sáng danh đất nước. Bởi vậy mà mình mới quyết định chơi trò " Nhân danh Tiểu đội trưởng ".

Cung cách Tuấn Nguyễn trợ cấp tiền cho tôi hàng tháng mua sữa nuôi con, cũng rất... Tuấn Nguyễn. Mỗi lần đưa tiền cho tôi, Tuấn đều có vẻ ngượng nghịu, xấu hổ như anh đang làm một điều gì không phải với bạn. Tiền cậu ta bỏ sẵn trong phong bì dán kín - thứ phong bì vẫn dùng để viết thư trả lời các cộng tác viên của Đài. Tuấn dúm phong bì vào túi áo tôi, mắt tránh không nhìn tôi. Dúi xong, cậu ta nói lảng ngay sang chuyện khác, thường là lấy cớ phải đến ngay cơ quan có cuộc họp quan trọng gì đó. Vừa bước vội xuống cầu thang Tuấn vừa bắt tay tôi : " Hôm nào rồi đến chơi. Bữa nay mình có chút việc bận, không vắng mặt ở cơ quan được ". Tôi biết Tuấn không muốn ngồi lại với tôi, khi số tiền cậu ta cho vẫn còn nằm cộm trong túi áo tôi. Con gái tôi uống sữa của chú Tuấn chu cấp cho đến lúc cháu bập bẹ biết nói. Rồi chú Tuấn bị bỏ tù cho đến lúc cháu học hết cấp I, mới được gặp lại chú.

&

Tuấn Nguyễn là người vỡ lòng cho tôi về Dostoevsky, cũng như hơn mười năm trước đó đã vỡ lòng cho tôi về niêm luật Đường thi. Nhờ cậu ta mà từ những năm 1961, 1962, tôi được biết nội dung tóm tắt những tác phẩm quan trọng nhất của Đốt. Từ tác phẩm đầu tay Những người cùng khổ đến các tác phẩm viết sau khi bị lưu đày ở Tây Bá Lợi á mười năm : Kỷ niệm ngôi nhà những người chết, Những người bị lãng nhục và bị xúc phạm, Tội ác và hình phạt, Con bạc, Thăng ngớt, Đầu xanh tuổi trẻ, Lũ người quỷ ám, Anh em nhà Karamazov... Những câu văn của Đốt Tuấn trích dẫn đã in khắc vào trí nhớ tôi cho mãi đến hôm nay : " Địa ngục nằm trong lòng những con người không còn biết yêu thương ", " Liệu chúng ta có quyền xây dựng lâu đài hạnh phúc cho nhân loại trên một giọt nước mắt của trẻ con ? ". " Những con người đơn giản là những con người hết sức nguy hiểm ", " Cái đẹp sẽ cứu chuộc nhân loại ", v.v... và v.v...

Về sau này, tôi được đọc khá nhiều những tác phẩm nghiên cứu về Đốt của các chuyên gia nổi tiếng, cả xã hội chủ nghĩa lẫn phương Tây, nhưng chưa một tác giả nào gây nên trong lòng tôi một ấn

tượng kinh hoàng về thiên tài vô song, phong phú và phức tạp của Đốt, như Tuân Nguyễn.

&

Một lần tôi đến chơi, đúng vào chiều ngày mùng ba... Bước vào buồng, tôi thấy Tuân đang tiếp ba cô gái, nữ sinh hay sinh viên gì đó. Cửa buồng mở rộng cả hai cánh, và ngọn đèn trên trần bật sáng chói.

Tôi đứng khựng lại một chút ở ngưỡng cửa, liếc nhìn ba cô. Cô nào cũng đẹp ngời ngời. Tôi định chào xin lỗi bước ra, nhưng hai chân cứ như bị trói, không bước ra nổi. Tôi chưa bao giờ được nói chuyện với một, chứ đừng nói đến ba cô gái đẹp đến thế. Một ý nghĩ ganh tỵ chợt ập đến trong đầu : " Hẳn với mình cùng lứa mà mình sao kém thế, còn hẳn sao mà ngon thế ! "

Tuân Nguyễn thì hình như chẳng chú ý gì đến sắc đẹp ba cô gái. Cậu ta mời ba cô ăn bánh, chuối, kẹo, và... rao giảng Đốt. Bao giờ " bập " vào Đốt - mà bập thường xuyên - gương mặt Tuân cũng sáng lên một cách khác thường. Đó là gương mặt của những nhà truyền giáo lớn - tôi nghĩ. Cậu ta rao giảng Đốt như các nhà truyền giáo rao giảng Thánh Kinh. Có một khác biệt là Tuân rao giảng Đốt, không cần quan tâm người nghe có nghe và có hiểu hay không. Tôi thường nói đùa : " Tuân Nguyễn đang nhập đồng Đốt ".

Chốc chốc Tuân ngừng lời, đưa tay lên giá sách, không cần nhìn, mà rút rất trúng tác phẩm nào đó của Đốt mà cậu ta cần dẫn chứng. Cậu ta lật lật rất nhanh những trang sách, đọc lên cái đoạn cần trích dẫn bằng tiếng Pháp rồi dịch miệng rất lưu loát.

Để khỏi quấy rầy " cụ Đốt ", tôi ngồi nép mình ở góc buồng, chốc chốc lại ngước mắt nhìn những cái miệng xinh đẹp như bông hồng hàm tiếu, những hàng răng trắng như ngọc trai nhỏ nhè cắn bánh, nhai kẹo... những cặp mắt long lanh như mắt trẻ nít chăm chú nhìn " cụ Đốt " nhập đồng...

Tôi thì hầu như chẳng nghe thấy gì. Đốt đối với tôi lúc này trở thành vô nghĩa. Tôi chỉ thêm rộn rục được hôn lên một trong ba cái miệng hé hé mở có mùi thơm trái chín cây kia, chỉ một lần thôi, rồi nằm lăn ra chết thẳng cẳng cũng đáng đời !

" Các cô ăn chuối, ăn bánh đi... ", Tuân đưa tay lịch sự mời, cốt để lấy hơi rao giảng tiếp. Cậu ta đang giới thiệu với ba cô chương Ngài Đại pháp quan trong Anh em nhà Karamazov mà theo cậu ta, là khúc giao hưởng văn xuôi sáng giá nhất trong nền văn xuôi cổ kim của nhân loại. Cậu ta đọc một mạch cuộc đối thoại dữ dằn và hài hước giữa ngài Đại pháp quan đại diện của quyền lực vô song của Giáo Hội và Pháp Đình tôn giáo ở Y Pha Nho thế kỷ 15, với Chúa Trời giáng thế lần thứ hai : " Ông đấy à ? ". Ông già Đại pháp quan gằn giọng hỏi. Chúa không trả lời. Ông ta nói tiếp : " Ông đừng nói gì mà lại hơn ! Và chẳng ông biết nói gì bây giờ ? Ông đã trao tất cả quyền năng cho Giáo hội chúng tôi. Chúng tôi đã mất 15 thế kỷ mới thiết lập được một trật tự như hiện nay, thiết lập nhân danh ông ! Bởi vậy ông không có quyền xuất hiện lần thứ hai, và nói thêm bất cứ điều gì trước đây ông đã nói. Tại sao ông còn xuống đây gây rắc rối cho chúng tôi ? Ông có biết ngày mai sẽ xảy ra chuyện gì không ? Tôi chỉ cần chỉ vào mặt ông, lên án ông : Đây là một tên tà giáo ! Và tôi chỉ cần phẩy tay ra hiệu, là đám quần chúng hôm qua cuồng nhiệt hôn dấu chân ông, sẽ trối nguyền ông lại, ném ông vào giàn hỏa !..."

Gương mặt, giọng nói của Tuân sáng rực niềm cảm xúc do đoạn văn tác động. Nom cậu ta lúc này thật quyết liệt, thật dữ dội. Cậu ta im lặng trân trân nhìn ba cô gái, như muốn ba cô chia sẻ niềm cảm xúc lớn lao đang rần rần trong huyết quản mình...

Một trong ba cô, cô xinh nhất, đã chia sẻ niềm cảm xúc của cậu ta. Cô ngừng cắn trái chuối tiêu trúng cuốc, hỏi :

- Anh đã đọc cuốn Nam Tước Phôn Gôn Rinh chưa ? Cũng chuyện của Liên Xô. Sách dày ba tập mà em chỉ đọc có một đêm !

Cô ngồi cạnh liền đặt miếng bánh xuống, góp chuyện :

- Theo mình thì tác phẩm Chiếc khay đồng còn hay hơn. Đọc mà tim cứ giật thon thót !

Mặt Tuân Nguyễn tự nhiên nghếch ra. Miệng hơi hé mở mà không nói được, như bị cấm khẩu. Cậu ta đỏ bừng mặt, nhìn ba cô như những sinh vật kỳ dị lạc vào buồng mình. Tôi thì sướng tỉnh cả người, nhay vào chuyện luôn :

- Các cô đã đọc Chiến dịch Phượng Hoàng chưa ? Sách vừa xuất bản, mới toanh ! Nam Tước Phôn Phôn Gôn Rinh và Chiếc khay đồng còn phải gọi bằng cụ !

Cả ba cô lập tức quay sang tôi, như bất ngờ vỡ được người cùng hội, cùng thuyền. Nét mặt ba cô vụt trở nên nhẹ nhõm, rạng rỡ như vừa trút được gánh nặng kinh người. Cả ba cô lúc này nom lại càng đẹp. Cả ba cô tranh nhau thuật lại những chi tiết giật gân của mấy anh chàng tình báo vườn. Còn tôi thì tranh thủ bồi dưỡng cặp mắt mà hàng ngày không nhìn thấy gì khác ngoài mặt hồ rong rêu, tầm cá và khuôn mặt dữ dằn của mấy tay tuần hồ, chuyên rình rập tóm cổ bọn cá trộm chúng tôi.

Tuân Nguyễn nổi quạu thật sự, đút Đốt vào giá sách, lẳng lẳng ngồi vào bàn viết chúi đầu xuống cuốn sách đọc dở. Chốc chốc cậu ta quay lại hết nhìn các cô lại nhìn tôi như nhìn mấy con ruồi con muỗi cứ vo ve bên tai. Tôi cứ tằng lờ như không hay biết, cười nói hể hả góp chuyện với ba cô.

Tuân Nguyễn tiễn các cô về với vẻ lạnh nhạt cố ý. Còn tôi thì xằng xái theo các cô xuống hết các bậc cầu thang, tranh thủ ngắm các cô đằng sau. Eo, lưng, hông - lưng mềm như ngọn lửa - hông tròn như trứng chim - và những cặp đùi, nói theo kiểu trường ca Tây Nguyên - nếu gió thổi tung váy sẽ sáng chói như tia chớp !...

Lúc tôi trở lên, Tuấn Nguyễn quạu cọ nói :

- Những chuyện bá láp như thế mà cậu cũng rồi hơi bàn luận !

Tôi cười trơ trẽn :

- Cậu vẫn rao giảng cho mình điều rao giảng của Đốt : " Cái đẹp sẽ cứu chuộc nhân loại ! " Theo mình thì chỉ với ba cô này thôi cũng đủ cứu chuộc cho cả nhân loại rồi !

&

Sau cái đập " Cứu chuộc nhân loại " kể trên, có đến hơn nửa tháng tôi mới đến thăm Tuấn. Cậu ta bước ra hành lang đón tôi, gương mặt hốc hác, phờ phạc, hai mắt thâm quầng. Tôi lo lắng hỏi :

- Cậu ốm hay làm sao thế ?

Tuân vuốt mớ tóc rũ xuống trán, nói :

- Dostoevsky thì năm đêm trắng, mình thì mười đêm trắng cậu ạ !

- Nhưng đầu đuôi thế nào ?

Tôi dăm dăm nhìn người chiến hữu cùng tiểu đội năm nào, tên một tác phẩm của Đốt chợt hiện ra trong đầu : Những người bị quỷ ám. Tôi nghĩ cậu ta bị Đốt ám. Cái ma lực văn chương của thiên tài này thật kinh dị ! Hai chúng tôi ngồi xuống mép giường còn buông màn, Tuấn rầu rĩ kể :

- Thế này, mình gọi nhầm tên người và bị tát !... Mà là gọi nhầm tên người yêu mới chết chứ ! Cách đây đúng mười hôm, mình mời cô ta đến chơi... Mình có ý định cầu hôn với cô ấy... Mình đang bối rối chưa biết mở đầu thế nào, thì nghe tiếng trẻ con reo hò dưới sân. Mình mới bước ra hành lang để nhìn xuống xem có chuyện gì. Mấy đứa trẻ trong khu tập thể đang vây quanh hai con gà trống xù lông, vươn cổ chọi nhau rất hăng. Mình vốn mê xem gà chọi từ nhỏ, thích quá liền ngoái đầu gọi cô ta cùng ra xem. Nhưng đáng lẽ gọi A ơi, ra xem hai con gà chọi nhau hay lắm ! Mình lại nhịu ra thành B ơi !... B. là tên một cô gái cũng có cảm tình với mình, cô A của mình cũng biết, hai cô này không ưa nhau... Thế là cô ta bước ngay ra, mắt nảy lửa, rít lên : " Anh là thằng đểu ! Anh đang ngồi với tôi, nhưng đầu óc anh vẫn nghĩ đến con B., nên anh mới gọi nhầm ra thế ! " Mình chưa kịp phân trần thì đã bị ngay một cái tát. Rồi cô ta đùng đùng bỏ về... Suốt mười đêm nay mình thức trắng vì chuyện đó...

- Nhưng cô ta tên là gì mà cậu gọi nhầm là gì ? - tôi thắc mắc hỏi.

Tôi là đứa ham cười. Nghe những chuyện như thế là tôi không sao nhịn được cười. Nhưng tôi sợ Tuấn giận nên cũng cố làm bộ mặt đơ đả để chia sẻ nỗi khổ tâm của bạn.

Tuân lắc đầu, phẩy tay :

- Cậu không cần đi vào chi tiết làm gì. Chỉ cần biết đáng lẽ gọi là A., thì mình gọi là B.

Chúng tôi ngồi với nhau khoảng tiếng đồng hồ, nói đủ chuyện linh tinh. Nhưng tôi không sao tập trung được tư tưởng. Tôi quá tò mò muốn biết tên của cô gái bị gọi nhầm tên. Chọn đúng vào lúc cậu ta bất ngờ nhất, tôi làm như vô tình buông một câu :

- Nếu cô ta tên An mà gọi nhầm thành Lan, thì cũng dễ thanh minh thôi ! Người ta lỡ miệng là thường...

Tuân buột miệng :

- Không, cô ta tên Nguyệt, mà mình lại gọi là Huệ, thanh minh thế nào được !

Đến đây thì tôi không sao nín nhịn được nữa. Tôi cười đến nỗi phải ôm chặt lấy bụng sợ lỡ đứt ruột như Trình Giảo Kim ba búa. " Đúng !... Đúng ! ", vừa nói tôi vừa nắc, " nhầm thế thì đến thánh cũng không thể thanh minh được ! Nguyệt - Huệ ! Hai vắn tréo trẹo hẳn nhau ! ".

(còn tiếp)

II

Lâu lâu không thấy Tuấn xuống Nghi Tàm chơi. Sợ cậu ta ốm đau gì chẳng, tôi tìm lên Tràng Tiền. Cậu ta đang cầm cúi trước bàn viết.

Tuân đặt bút, tiếp tôi.

- Mình bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết mà mình vẫn nói chuyện với cậu...

Mình hy vọng trong năm nay sẽ hoàn thành bản thảo lần thứ nhất... Thời tiết này mà đóng cửa buồng lại ngồi viết văn thì nhất. Nhưng khổ nỗi thời gian cứ bị cắt vụn vì những công việc của cơ quan...

Tôi buồn cười :

- Thời tiết này đối với dân câu chúng mình cũng nhất. Hồ Tây đêm đêm mờ mịt mưa xuân. Chúng mình đang hồi hộp đón vụ cá vật đẻ đầu tiên trong năm.

- Cậu bỏ văn rồi à ? - Tuân bắn khoản hỏi tôi.

- Không bỏ cũng coi như bỏ, tôi nói : viết mà không ai in thì viết làm gì ?

Lần đó, tôi dùng năm đồng Tuân trợ cấp sữa cho cháu sắm thêm mấy bộ lưới câu chùm, loại chuyên dùng để giết cá vật đẻ.

Tháng ba. Trời nồm ẩm ướt gần suốt cả tháng. Đường phố Hà Nội lép nhép bùn. Thềm nhà xi măng, đá hoa các nhà chảy nước. Dân trong Thành phố bức dọc nguyên rửa thời tiết. Dân câu ven Hồ Tây chúng tôi lại vui mừng hết chỗ nói. Hồ Tây cá trở mình suốt đêm. Cá cái như chép, diếc, thầu dầu... bụng căng trứng nôn nóng chờ mưa rào...

Ngày hôm đó, trời đổ mưa rào, trận mưa rào đầu tiên. Người ta gọi trận mưa rửa bùn. Dân câu chúng tôi gọi là trận mưa tiền. Đêm nay, sẽ bắt đầu từ lúc nửa đêm, cá từ giữa hồ sẽ lao thẳng vào bờ vật đẻ dưới các vùng bèo do chúng tôi chuẩn bị sẵn, trong các đám rong đuôi chó, cây niễng, cây sậy nước mọc gần bờ... Bọn cá vật đẻ từ nửa đêm cho đến rạng sáng chúng hoàn tất vụ sinh đẻ đầu tiên trong năm.

Khoảng bảy giờ tối, tôi đang dùng đá mài chuốt lại mấy bộ lưới câu. Tuân Nguyễn đột ngột dắt xe bước vào. Cậu ta lấy trong túi xách ra một bao thuốc Điện Biên và một gói trà Thanh Hương :

- Cậu pha trà đi. Đêm nay mình sẽ tra tấn cậu đây. Mình đọc cho cậu nghe hai chương đầu cuốn tiểu thuyết vừa chép sạch xong !

Tôi suýt buột miệng : " Hay cậu để đến đêm mai có được không ? ", nhưng kịp ghìm lại. Tôi cũng đã từng viết văn, tôi biết rõ cái tâm trạng háo hức, hồi hộp của người viết khi quyết định đọc những trang viết đầu tay cho bạn mình nghe. Đó là mối tình đầu của chàng trai mới lớn... Tôi không muốn bạn mình cụt hứng. Nhưng, tôi thầm nghĩ, tại sao hẳn lại chọn đúng cái đêm nay mà đọc văn cơ chứ ! Với dân câu chúng tôi, mỗi năm chỉ có một vài đêm như đêm nay. Tôi đang hy vọng sẽ kiếm được một yển cá chép. Năm ngoái, cũng đúng vào thời điểm này tôi kiếm được hơn mười sáu cân cá, và một con rắn cạp nong lớn đi ăn trứng cá. Tôi bán tất mang tiền về cho vợ. Vợ tôi mừng ứa nước mắt. Với tôi, những đêm như đêm nay, mọi chuyện văn chương thơ phú chẳng có ý nghĩa gì hết so với một yển cá chép !...

Tôi đành xếp dọn đồ nghề câu, nấu nước pha trà. Tuân rút tập bản thảo, lật lật từng trang, bên ngọn đèn dầu tù mù, vẻ mặt căng thẳng.

- Tên tác phẩm : Một người mơ mộng. Nhân vật chính là Lê Tuấn. Chương một dài hai mươi bốn trang... Chương hai dài hai mươi sáu trang... - Tuân khể khàng giới thiệu.

Cậu ta hăng giọng, đọc chậm rãi, rõ từng dấu chấm phẩy. Chốc chốc lại bỏ kính trắng xuống dăm dăm nhìn tôi ánh mắt dò hỏi : " Mình viết thế có được không ? ". Tôi làm bộ chăm chú nghe nhưng tâm trí để hết ngoài bờ hồ, chỉ cách cái túp của tôi một vườn quất của anh Cả Tự, hàng xóm. Cá ngoài hồ trở mình mỗi lúc một căng. Chúng đang từ giữa hồ lao vào bờ. Những nòng chép cái, mỗi nòng nặng cỡ hai, ba ký, bụng chứa vượt mặt, dắt theo cả chục chàng chép đực rồn cương sẹ (tinh trùng của cá) - cá cái vật đẻ phun trứng vào rế bèo, vào những lùm rong đuôi chó, vào gốc các bụi cây niễng, cây sậy mọc chìm dưới nước... Cá cái phun trứng đến đâu, cá đực xô nhau tưởi sẹ lên trứng. Chúng hoàn toàn đắm mình trong cuộc giao hoan, không còn biết trời đất là gì... Chúng tôi

chỉ việc thả lưới câu chum xuống, nhắc ngang, nhắc dọc, kéo cổ chúng lên khỏi mặt nước. Để tranh thủ thời gian, giết được con nào, chúng tôi vớt luôn chúng xuống giữa các rãnh cây, nắn vôi lại bộ lưới câu chum thả xuống giết tiếp. Ít có một giống vật nào say mê tình dục như bọn chép đực. Nằm phơi mình trên mặt đất chờ chết, chúng vẫn giẫy đành đạch, tiếp tục phun se động thành vũng trắng loang lổ màu sữa... Nhưng chỉ một lát sau, những trang viết của Tuấn bắt đầu cuốn hút tôi, làm tôi quên phứt bọn cá vật đẻ, và cái sướng run người khi nhắc cái cần câu nặng trĩu, ngọn cần cong chúi xuống nước vì bị một anh chép cỡ một, hai ký lôi kéo sợi dây câu, cố sức vùng vẫy thoát khỏi những lưới câu có ngạnh sắc như gươm báu, cắm ngập vào da thịt ! Đồng thời với cái sướng của bản năng giết chóc, sẵn bản năng săn trong máu của con người có từ thời nguyên thủy, là cái sướng ước lượng tức khắc số tiền mà các anh chàng, cô nàng sẽ mang lại sáng hôm sau, khi đặt các " chàng, nàng " lên bàn cân mấy bà buôn cá... Và tiếp đó là ánh mắt rạng rỡ của con gái được bố cho tiền ăn quà sáng, và nụ cười sắp-chết-đuối-vớ-được-cọc của vợ ; lương tháng giáo viên đã tiêu đến đồng cuối cùng, và ngày mai đến kỳ đóng gạo sổ mà chưa biết vay ai... Tôi ngồi, hai cánh tay bó gối, nghe Tuấn đọc văn mỗi lúc một chăm chú hơn. Không hiểu sao tự nhiên tôi ứa nước mắt. Những trang văn thấm đượm chất thơ của Tuấn làm sống dậy trong tôi niềm mơ ước được trở thành nhà văn, mà cuộc sống nghiệt ngã đã chôn vùi từ lâu.

Tuấn đã đọc xong hai chương đầu cuốn tiểu thuyết đậm màu sắc tự truyện, tôi vẫn ngồi bó gối không nhúc nhích. Tôi muốn nói một điều gì mà cổ tự nhiên nghẹn tắc. Từ đáy lòng tôi dâng lên một nỗi buồn kinh khiếp. Đó là nỗi buồn khi đọc một nhà văn đồng thời, và tự phát hiện mình không bao giờ viết nổi những trang viết như anh ta ! Buồn vì tủi thân, và cả vì... đổ kỵ...

Tôi đâm giận thân, giận đời... Tôi nghĩ : nếu hoàn cảnh không xô đẩy mình đến cảnh huống cùng quẩn như hiện nay, thì có lẽ mình cũng đã viết được một cái gì, có thể không bằng nhưng cũng suýt soát được như Một người mơ mộng. Hai mươi tuổi mình đã viết được Vượt Côn Đảo kia mà... Để khỏi phải nói ra với Tuấn những đau đớn, dẫn vật vụt nổi lên trong lòng như một cơn lốc Hồ Tây, tôi đứng lên, đi xuống bếp.

- Chắc cậu đói rồi - mình nấu nồi cháo cá dẽi cậu. Mình còn con chép hơn nửa ký đang rộng dưới cầu ao... - vừa nhóm bếp, tôi vừa nói vọng lên - Còn tiểu thuyết thì mình muốn nghe thêm vài chương nữa. Mình sẽ để hẳn một buổi để thảo luận với cậu.

?

Thế mà không ngờ đó là hai chương tiểu thuyết đầu tiên mà cũng là cuối cùng - tác phẩm mộng tưởng của cả đời Tuấn Nguyễn - mà tôi được nghe. Cho đến tận khi ngồi viết những dòng này, tôi vẫn không nguôi hồi tiếc tại sao hôm đó tôi không mượn và chép giữ lại hai chương tiểu thuyết đó ?... Được vậy thì độc giả hôm nay, ngoài thơ ra có thể thưởng thức văn xuôi của Tuấn Nguyễn. Và tôi tin rằng độc giả sẽ bị thuyết phục, vì văn xuôi của Tuấn được tôi rèn kỹ lưỡng trong lò văn Dostoevsky.

Nhưng, nói như người xưa, có ai học được chữ ngờ... Ngày 21 tháng 10 năm 1964, Tuấn Nguyễn bị công an bắt giam. Và sau đó là thời gian cầm tù gần mười năm, nói thật chính xác là chín năm bảy tháng... Tôi còn nhớ rõ được như vậy vì lúc Tuấn bị bắt, con gái tôi, - được Tuấn chu cấp sữa hàng tháng - mới chưa đầy hai tuổi. Lúc Tuấn được thả về cháu đã học hết cấp một. Tội danh của Tuấn và vì sao Tuấn bị bắt, ngày đó tôi không được biết tường tận cho lắm. Tôi chỉ biết Tuấn Nguyễn bị bắt vào buổi sáng, thì buổi chiều tôi lò dò đến 20 phố Tràng Tiền. Hôm đó, tôi cặm túi, định ghé vô ăn chực Tuấn một suất cơm tập thể... Tôi đang loay hoay tìm chỗ dựng chiếc xe đạp trước cửa nhà ăn, thì nhà thơ Trần Nguyên Văn, cũng là dân Huế và làm cùng cơ quan với Tuấn, từ bên trong nhà ăn sải chân bước ra, vẻ mặt thất sắc, hốt hải. Văn đến bên tôi, ghé sát tai thì thầm :

- Quán về ngay đi. Tuấn Nguyễn vừa bị bắt sáng nay...

Tôi lây nỗi khiếp hãi của Văn, nhảy phóc lên xe đạp, phóng như điên về Nghi Tàm. Tôi chệnh choạng dựa xe vào phen liếp, hai chân bỗng như bị đốn...

Tôi nằm dài ra nền nhà, mặt úp xuống đất, khóc nức lên, một nỗi đau đớn không tên, quặn thắt trong tim tôi...

?

Tôi còn lưu giữ trong ký ức một chuyện khá tức cười về Tuấn Nguyễn, trước khi chúng tôi gặp lại

nhau, sau gần mười năm... Một buổi chiều thu Tây Hồ trời se lạnh...

Đó là mùa câu cá diếc bằng giun đỏ. Thôn Nghi Tàm vàng một màu hoa cúc. Tuần đạp xe về Nghi Tàm thăm tôi.

Tôi hỏi :

- Có mang theo chương mới nào của Một người mơ mộng không đấy ?

Tuân lắc đầu :

- Mình tạm gác tiểu thuyết lại để dịch một truyện vừa tuyệt hay của Solzhenitsyn mới đăng trên Les Nouvelles de Moscou.

Tuân Nguyễn tóm tắt cho tôi nghe Solzhenitsyn là ai.

Tôi dắt Tuân đi loang quanh trong xóm xem hoa. Lúc sắp ra về, Tuân chợt hỏi tôi, giọng hơi ngập ngừng :

- Cậu có đồng tiền vàng không, cho mình một đồng...

Tôi ngạc nhiên : - Đồng tiền vàng ? Cậu làm như mình là tay sưu tập tiền cổ không bằng ?

Tuân đỏ mặt :

- Không phải. Nó là... cái ấy ấy mà...

Tôi chợt hiểu ra, bật cười. Cái ấy, là cái bao dương vật bằng cao su của Tiệp Khắc sản xuất. Mỗi cái được đựng trong cái hộp nhỏ, tròn và dẹt, in hình đồng tiền vàng cổ trên giấy kim. Ngày đó, " đồng tiền vàng " là loại hàng cung cấp đặc biệt. Muốn mua nó phải có giấy của Công đoàn cơ quan, hoặc của chi hội phụ nữ sở tại chứng nhận : người mua đã có vợ, mua để dùng cho sự sinh đẻ có kế hoạch. Nơi bán là các cửa hàng dược phẩm quốc doanh. Số lượng mua cũng rất hạn chế, để tránh nạn đầu cơ tích trữ. Trẻ con thỉnh thoảng nhặt được một hai chiếc của người lớn dùng rồi vứt đi, thì lấy làm thích thú lắm. Chúng thổi to lên, làm bong bóng bay...

Tôi hỏi Tuân :

- Nhưng cậu cần " đồng tiền vàng " làm gì ? Chắc có đối tượng nào cậu định tòm tem hắn ?

Tuân càng đỏ mặt tợn :

-... ở cơ quan mình nghe tụi nó thìào hỏi xin nhau đồng tiền vàng... Mình không biết hình thù nó thế nào, muốn xem cho biết. Để miêu tả khi cần đến, trong văn xuôi chẳng hạn...

Tôi nói :

- Rất tiếc, mình lại không có... Mình có thuộc biên chế cơ quan nào đâu mà được công đoàn giới thiệu cho mua ?

- Thế trong chuyện sinh hoạt vợ chồng cậu giải quyết thế nào ?

- Thú thật với cậu, tôi nói, tính mình vốn không ưa " khoa học kỹ thuật " can thiệp vào chuyện tế nhị đó. Thứ nữa, mình là loại " đêm bảy ngày ba, vô ra không kể ", đồng tiền vàng đâu mà xài cho xuể ? Nhưng mình biết ở cơ quan cậu có thằng H. lúc nào trong túi cũng có đồng tiền vàng. Cậu cứ hỏi xin hắn, thế nào cũng có.

Một sự rủi ro đầy tính chất bi hài mà hình như số phận đặc biệt dành cho loại người như Tuân Nguyễn.

Sáng ngày 21 tháng 10 năm 1964, trước giờ làm việc Tuân Nguyễn gặp H. ở cổng cơ quan. Tuân rất ngạc nhiên, H. vốn là tay " đại nghệ sĩ " thường xuyên đi muộn về sớm, thường xuyên bị thủ trưởng phê bình, sao bữa nay lại chăm chỉ thế không biết ? Có lẽ hôm nay trời đi vắng !

Về sau này, mỗi lần hồi tưởng lại sự việc ngày hôm đó, Tuấn không sao quên được chi tiết này. Tuấn kết luận : cuộc đời mỗi người là một kịch bản phim truyện đã được số phận đạo diễn phân cảnh. H. phải xuất hiện đúng lúc đó để tăng thêm chất bi hài của truyện phim.

Sau một phút ấp úng, Tuấn hỏi xin H. một đồng tiền vàng :

- Sao cậu biết là tớ có sẵn của " gia bảo " ấy ? - H. cười, hỏi.
- Phùng Quán nó bảo thế.

H. không thôi cười, nói :

- Thắng ấy tớ cứ tưởng chỉ nằm vững lý lịch tụi cá mú Hồ Tây, không ngờ với bạn hữu hẳn cũng nằm vững góm... Hôm nào gặp hẳn, cậu nhả hộ chịu khó lên tớ chơi, tớ sẽ tặng một cái áo bông của bộ đội biên phòng, tha hồ chống chọi với sương gió Hồ Tây.

H. rút cái ví ở túi quần sau, mở ra lấy một đồng tiền vàng mới toe đưa cho Tuấn :

- Trước khi dùng cậu nhớ K.T. (1) cẩn thận, H. dặn, không lỡ nó thủng thì bỏ mẹ.

Tuấn đỏ mặt nói :

- Mình chỉ muốn xem cho biết thôi...

H. nói :

- Ba mươi tuổi đầu mà chưa biết mặt mũi đồng tiền vàng như thế nào thì cậu là thằng hâm. Thời buổi này, Roméo Juliette nếu không ở trong biên chế, không có công đoàn cơ sở giới thiệu, thì cũng phải lòng mua " đồng tiền vàng " theo giá chợ đen !... Cậu phải bỏ bớt sách vở, thêm chất sống sít của cuộc đời thường vào mới hy vọng với tay đến Đốt được!

Tuấn đút vội đồng tiền vàng vào túi áo, cài cúc cẩn thận, định bụng đợi đến tối, đóng chặt cửa buồng lại mới mở ra xem mặt mũi nó...

Khoảng chín giờ hơn hôm đó, cán bộ công an cùng đi với cán bộ lãnh đạo và cán bộ bảo vệ Đài vào phòng làm việc, đọc lệnh bắt " can phạm Nguyễn Tuấn, có bí danh là Tuấn Nguyễn ".

Viên sĩ quan công an chỉ huy sau khi đọc lệnh bắt, yêu cầu Tuấn bỏ hết đồ đạc mang theo trong người, kể cả kính cận để lập biên bản.

Về sau này, Tuấn kể lại cho tôi nghe giây phút nhớ đời đó :

- Nghe xong lệnh bắt, khắp người mình toát mồ hôi hột. Nỗi hoảng sợ làm thần kinh mình hầu như tê liệt. Như cái máy, mình móc hết túi áo túi quần, bỏ đồ đạc lên mặt bàn. Nhưng khi bỏ cái đồng tiền vàng lên mặt bàn, mình bỗng tỉnh trí lại. Chính nỗi hổ thẹn đã làm cho mình tỉnh trí...

Viên sĩ quan gọi to tên từng món đồ một, một viên sĩ quan khác lần lượt ghi vào một tờ giấy in sẵn.

- Một đồng tiền vàng !

Lúc gọi tên cái của quý này, giọng viên sĩ quan cao lên hẳn một ốc-ta-vơ. Ông ta cầm đồng tiền vàng trong tay, lật đi lật lại rồi ngẩng lên ném vào mặt Tuấn Nguyễn một cái nhìn ghê tởm. Cái nhìn như muốn nói : " Bè lũ phản động xét lại hiện đại là như thế này đây ! Trong túi lúc nào cũng có sẵn đồng tiền vàng. Tất cả những tệ nạn xấu xa, làm ô nhiễm xã hội, là do bọn các người mà ra hết ! ".

Tuấn Nguyễn vốn tinh tế. Cậu ta đọc nội dung cái nhìn ấy như đọc một câu văn, và cảm thấy nhục nhã ghê gớm. Cậu ta mấp môi định thanh minh, nhưng kìm lại được. Thanh minh cái gì khi tang chứng sờ sờ ra đó ? Và ai tin mình lúc này mà thanh minh ?

"... Một chi tiết khó tin trong tác phẩm Kỷ niệm ngôi nhà những người chết của Dostoevsky vụt hiện ra trong ký ức mình. Có một người tử tù sắp sửa phải thu hình. Y bị trói vào cọc hành hình, cổ vươn

ra chuẩn bị đón lưỡi dao bén ngọt của đao phủ. Y chợt ngoảnh lại, run rẩy nói với đao phủ : "Trên gáy tôi có cái nốt đang mừng mủ. Ông làm ơn đừng chém vào cái chỗ cái nốt !õ."

Rất nhiều năm sau, Tuấn kể lại với tôi chuyện này, rồi trầm ngâm :

- Rất đúng với hoàn cảnh mình lúc đó. Sắp sửa phải lãnh án tù (2) chưa biết bao nhiêu năm, thế mà mình lại không cảm thấy đau khổ bằng sự việc trong túi có đồng tiền vàng... Và cũng nhờ sự kiện đồng tiền vàng mà mình có dịp kiểm chứng thêm tài năng vô song của Dostoievsky. Chỉ với một chi tiết cái nốt đang mừng mủ trên gáy người tử tù, Dostoievsky đã soi rọi cho chúng ta thấy vực thẳm vô tận, đầy bí ẩn và kỳ dị trong tâm thức con người...

?

Một buổi vào giữa trưa, tôi đang ngồi đun bếp, thì cửa liếp xích mở. Tôi ngẩng lên, ngồi lặng đi một lúc khá lâu. Tôi bật gọi, cổ nghẹn tắc :

- Trời... Tuấn !

Phải, người đang đứng trước mặt tôi là Tuấn Nguyễn. Da mặt vàng úa và hơi phù nề. Cặp kính cận vành đồng rỉ xanh và hai gọng được thay bằng hai vòng dây gai xe. Cái miệng vẫn rộng nhưng không còn tươi nữa. Cặp môi nhợt nhạt vì thiếu máu. Như bưng tỉnh, tôi loạng choạng đứng dậy. Và hai chúng tôi ôm chặt lấy nhau lúc nào không biết. Phút chốc hai gương mặt dãi dầu, bầm dập khổ nạn trần gian, đầm lệ. Tôi thì thăm qua nước mắt :

- Thế mà đã gần mười năm rồi... Mười năm tốt đẹp nhất của một đời người...

Tuấn cười buồn :

- Chắc cậu không tin mình còn có ngày trở về ?

- ừ..., cậu gầy yếu quá... Người của sách vở, của mộng mơ... Cậu đâu được chuẩn bị để nhận một đòn chí mạng như vậy...

Tuấn ngồi xuống cạnh bếp lửa, hơ hơ hai bàn tay gầy guộc, nói :

- Sức thích nghi vô tận cũng là một điều bí ẩn của con người, cậu ạ.

Tôi thổi cơm, rán cá, nấu canh chua. Hai đứa ngồi ăn ngay bên bếp.

- Nghĩ cho cùng, không có cái rủi nào lại không chứa sẵn ít nhiều cái may. - Tuấn nói - Có lẽ nhờ vậy mà con người mới có thể tồn tại trong những hoàn cảnh nghiệt ngã nhất.

- Cậu thử nói cái may cậu tìm thấy trong mười năm qua xem nào - tôi hỏi.

- Trước hết, mình có dịp suy gẫm thêm về cuốn tiểu thuyết mình định viết, vì đã viết được hai chương đầu như cậu biết. Thực tế mười năm đã chỉ cho mình thấy nội dung cuốn tiểu thuyết của mình quá hiền lành, quá nông cạn. Theo mình, nếu không có mười năm lưu đày ở Sibir, tài năng của Dostoievsky không đạt đến độ viên mãn như vậy. Mình tin, nếu viết lại, cuốn tiểu thuyết của mình sẽ hay hơn, sâu sắc hơn rất nhiều. Nó sẽ là Kỷ niệm ngôi nhà những người chết của mình. Hai nữa, nhờ mười năm qua mình đã tự học được tiếng Nga. Bây giờ mình có thể đọc được Dostoievsky từ nguyên bản. Nhưng điều may mắn này mới là quan trọng hơn cả : trong mười năm qua, mình đã sống giữa những con người vô cùng phong phú và phức tạp, chất liệu sống vàng ròng cho các nhà văn. Mình chỉ đơn cử với cậu một người...

?

"... Anh ta vào trại trước mình khá lâu, bị trừng phạt vì tội gì, mình không rõ. Người thì bảo anh ta phạm tội hình sự, người lại bảo mắc tội chính trị. Nhưng cả hai tội mình đều thấy khó tin. Anh ta không có dáng dấp của kẻ cướp bóc, sát nhân, và cũng không có phong độ của người làm chính trị. Bộ dạng anh ta ngu ngơ, dở dại dở khùng. Mình có cảm giác anh ta là một khúc củi rêu, do một trận lũ cuốn từ một xó rừng nào về, trôi ngang qua trại, bị vướng vào hàng rào của trại rồi mắc kẹt luôn ở đó. Nhìn anh ta, rất khó đoán tuổi, có thể ba mươi, mà cũng có thể năm mươi. Gương mặt anh ta

gầy choắt, rúm ró, tàn tạ, như một cái bị cói rách, lẩn lóc ở các đồng rác. Người anh ta cao lóng không, tay chân thẳng đuồn đuồn, đen cháy, chỉ toàn da, gân với xương. Trên người, tứ thời một mớ giẻ rách thay cho quần áo. Lúc đầu mình cứ tưởng anh ta bị câm vì suốt ngày ít khi thấy anh ta mở miệng dù là chỉ để nhếch mép cười. Thật ra anh ta chỉ là người quá ít lời. Gặp ai trong trại, cả cán bộ quần giáo lẫn phạm nhân, anh ta đều cúi chào cung kính, nhưng không chuyện trò với bất cứ ai. Nhưng không hiểu sao, ở con người anh ta có một cái gì đó làm mình đặc biệt chú ý, cứ muốn làm quen... Nhiều lần mình định bắt chuyện, nhưng anh ta nhìn mình với ánh mắt rất lạ, rồi lảng tránh sau khi đã cúi chào cung kính. Hầu như tất cả các trại viên, kể cả những tay hung dữ nhất, cũng đều thương anh ta. Những trại viên được gia đình tiếp tế, người để dành cho anh ta viên kẹo, miếng bánh, người cho thuốc. Ở trại, anh ta có một đặc quyền không ai tranh được, và cũng không ai muốn tranh. Đó là khâu liệm tù chết. Mỗi lần có tù chết, giám thị trại đều cho gọi " thẳng khùng " (tên họ đặt cho anh ta) và giao cho việc khâu liệm. Với bất cứ trại viên chết nào, kể cả những trại viên đã từng đánh đập anh ta, anh ta đều khâu liệm chu đáo giống nhau. Anh ta nấu nước lá rừng, tắm rửa cho người chết, kỳ cọ ghệt trên cái cơ thể lạnh ngắt cứng queo, với hai bàn tay của người mẹ tắm rửa cho đứa con nhỏ. Lúc tắm rửa, kỳ cọ, miệng anh ta cứ mấp máy nói cái gì đó không ai nghe rõ. Anh ta rút trong túi áo một mẩu lược gầy, chải tóc cho người chết, nếu người chết có tóc. Anh ta chọn bộ áo quần lành lặn nhất của người tù, mặc vào rồi nhẹ nhàng nâng xác đặt vào áo quan được đóng bằng gỗ tạp sơ sài. Anh ta cuộn những bộ áo quần khác thành cái gói vuông vắn, đặt làm gối cho người chết. Nếu người tù không có áo xống gì, anh ta đẽo gọt một khúc cây làm gối. Khi đã hoàn tất những việc trên, anh ta quỳ xuống bên áo quan, cúi hôn lên trán người tù chết, và bật khóc. Anh ta khóc đau đớn và thống thiết đến nỗi mọi người đều có cảm giác người nằm trong áo quan là anh em máu mủ ruột thịt của anh ta. Với bất cứ người tù nào anh ta cũng khóc như vậy. Một lần giám thị trại gọi anh ta lên :

- Thằng tù chết ấy là cái gì với mà mày mà mày khóc như cha chết vậy ?

Anh ta chấp tay khúm núm thưa :

- Thưa cán bộ, tôi khóc vờ ấy mà. Người chết mà không có tiếng khóc tổng tiền thì vong hồn cứ lẩn quẩn trong trại. Có thể nó tìm cách làm hại cán bộ. Lúc hẵn còn sống, cán bộ có thể trừng trị hẵn, nhưng đây là vong hồn hẵn, cán bộ muốn xích cổ, cũng không xích được.

Thằng khùng nói có lý. Giám thị trại mặc, cho nó muốn khóc bao nhiêu thì khóc. Nhưng mình không tin là anh ta khóc vờ. Lúc khóc, cả gương mặt vàng úa, nhăn nhúm của anh ta chan hòa nước mắt. Cả thân hình gầy guộc của anh ta run rẩy. Mình có cảm giác cả cái mớ giẻ rách khoác trên người anh ta cũng khóc... Trong tiếng khóc và nước mắt của anh ta chan chứa một niềm thương xót khôn tả. Nghe anh ta khóc, cả những trại viên khét tiếng lì lợm, chai sạn, " đầu chày, đít thớt, mặt bù loong " cũng phải rơm rớm nước. Chỉ có nỗi đau đớn chân thật mới có khả năng xuyên thẳng vào trái tim người.

Mình thường nghĩ ngợi rất nhiều về anh ta. Con người này là ai vậy ? Một thằng khùng hay người có mỗi từ tâm lớn lao của bậc đại hiền ?... Thế rồi, một lần, mình và anh ta cùng đi lùa trâu xuống con sông gần trại cho tắm nước. Trời nóng như dội lửa. Bãi sông đầy cát và sỏi bị nóng rang bỏng như than đỏ. Trên bãi sông mọc độc một cây mùng già gốc sần sùi, tán lá xạc xỡ trải một mảng bóng râm bằng chiếc chiếu cá nhân xuống cát và sỏi. Người lính gác ngồi trên bờ sông dốc đứng, ôm súng trú nắng dưới một lùm cây. Anh ta và mình phải ngồi trú nắng dưới gốc cây mùng già, canh đàn trâu ngụp lặn dưới sông. Vì mảng bóng râm quá hẹp nên hai người gần sát lưng nhau. Anh ta bỗng lên tiếng trước, hỏi mà đầu không quay lại :

- Anh Tuấn này - không rõ anh ta biết tên mình lúc nào - sống ở đây anh thêm cái gì nhất ?

- Thêm được đọc sách - mình buột miệng trả lời, và chợt nghĩ, có lẽ anh ta chưa thấy một cuốn sách bao giờ, có thể anh ta cũng không biết đọc biết viết cũng nên.

- Nếu bây giờ có sách thì anh thích đọc ai ? - anh ta hỏi.

- Voltaire ! - một lần nữa mình lại buột miệng. Và lại nghĩ : Nói với anh ta về Voltaire thì cũng chẳng khác gì nói với gốc cây mùng già mà mình đang ngồi dựa lưng. Nhưng nhu cầu được chuyện trò bộc bạch với con người nó cũng lớn như nhu cầu được ăn, được uống... Nhiều lúc chẳng cần biết có ai nghe mình, hiểu mình hay không. Đó chính là tâm trạng của anh công chức nát rượu Marmeladov bất chợt nói to lên những điều tủi hổ nung nấu trong lòng với những người vợ vẩn trong một quán rượu tồi tàn, mà Dostoevsky miêu tả trong Tội ác và trừng phạt.

Anh ta ngồi bó gối, mắt không rời mặt sông loá nắng, hỏi lại :

- Trong các tác phẩm của Voltaire, anh thích nhất tác phẩm nào ?

Mình sửng sốt nhìn anh ta, và tự nhiên trong đầu nảy ra một ý nghĩ kỳ lạ : một người nào khác đã ngồi thay vào chỗ anh ta... Mình lại liên tưởng đến một cậu làm việc cùng phòng hồi còn ở Đài phát thanh, tốt nghiệp đại học hần hoi, đọc tên nhạc sĩ Chopin (Sôpanh) là Cho Pin.

Mình trả lời anh ta :

- Tôi thích nhất là Candide.

- Anh có thích đọc Candide ngay bây giờ không ?

Không đợi mình trả lời, anh ta nói tiếp :

- Không phải đọc mà nghe... Tôi sẽ đọc cho anh nghe ngay bây giờ.

Rồi anh ta cất giọng đều đều đọc nguyên bản Candide. Anh đọc chậm rãi, phát âm chuẩn và hay như mấy cha cố người Pháp, thầy dạy mình ở trường Providence. Mình trân trân nhìn cái miệng rúm rỏ, răng vàng khè đầy bựa của anh ta như nhìn phép lạ. Còn anh ta, mắt vẫn không rời dòng sông loá nắng, tưởng chừng như anh ta đang đọc thiên truyện Candide nguyên bản được chép lên mặt sông...

Anh đọc đến câu cuối cùng thì keng ở trại cũng vang lên từng hồi, báo đến giờ lừa trâu về trại.

Người lính gác trên bờ cao nói vọng xuống : " Hai đứa xuống lừa trâu, nhanh lên ! ".

- Chúng mình lừa trâu lên bờ đi ! - anh nói.

Lội ra đến giữa sông, mình hỏi anh ta :

- Anh là ai vậy ?

Anh ta cỡi lên lưng một con trâu, vừa vung roi xua những con trâu khác, trả lời :

- Tôi là cái thanh ngang trên cây thập tự đóng đinh Chúa.

Rồi anh ta tiếp :

- Đừng nói với bất cứ ai chuyện vừa rồi...

Giáp mặt người lính canh, bộ mặt anh ta thay đổi hẳn - ngu ngơ, đần độn như thường ngày.

Cuối mùa đông năm đó, anh ta ngã bệnh. Nghe các trại viên kháo nhau mình mới biết.

- Thăng chuyên gia khâm liệm e đi tong ! Thế là nếu bọn mình nghèo, sẽ không còn được khâm liệm tử tế và chẳng có ai khóc tống tiễn vong hồn... - những người tù nói, giọng buồn.

Mình gặp giám thị trại, xin được thăm anh ta. Giám thị hỏi :

- Trước kia anh có quen biết gì thăng này không ?

Mình nói :

- Thừa cán bộ, không. Chúng tôi hay đi lừa trâu với nhau nên quen nhau thôi.

Giám thị đồng ý cho mình đến thăm, có lính đi kèm. Anh ta nằm cách ly trong gian lán dành cho người ốm nặng. Anh ta nằm như dán người xuống sạp nằm, hai hốc mắt sâu trũng, nhắm nghiền, chốc chốc lại lên cơn co giật...

Mình cúi xuống sát người anh ta, gọi hai ba lần, anh ta mới mở mắt, chăm chăm nhìn mình. Trên khoé môi rúm ró như thoáng một nét cười. Nước mắt mình tự nhiên trào ra rơi lã chã xuống mặt anh ta. Anh ta thè lưỡi liếm mấy giọt nước mắt rớt trúng vành môi. Anh ta thều thào nói :

- Tuân ở lại, mình đi đây... Đưa bàn tay đây cho mình...

Anh ta nắm chặt bàn tay mình hồi lâu. Một tay anh ta sờ rầm mớ giẻ rách khoác trên người, lấy ra một viên than củi, được mài tròn nhẵn như viên phấn viết. Với một sức cố gắng phi thường, anh ta dùng viên than viết vào lòng bàn tay mình một chữ nho. Chữ NHẮN.

Viết xong, anh ta hoàn toàn kiệt sức, đánh rớt viên than, và lên cơn co giật.

Người lính canh dẫn mình lên giám thị trại với bàn tay có viết chữ Nhắn ngửa ra. Người lính canh ngỡ rằng đó là một ám hiệu.

Giám thị hỏi :

- Cái hình nguếch ngoác này có ý nghĩa gì ? Anh mà không thành khẩn khai báo, tôi tổng cổ anh ngay lập tức vào biệt giam.

Mình nói :

- Thưa cán bộ, thật tình tôi không rõ. Anh ta chỉ nói : tôi vẽ tặng cậu một đạo bùa để xua đuổi bệnh tật và tà khí.

Nghe ra cũng có lý, giám thị trại tha cho mình về lán...

Kể đến đó, Tuân Nguyễn chợt mở lòng bàn tay phải, nhìn đăm đăm như muốn tìm lại dấu vết chữ Nhắn, rồi lắc lắc đầu, nói như chỉ cốt cho mình nghe :

- Ngay cả trong tác phẩm Kỷ niệm ngôi nhà những người chết, cũng không có được một nhân vật như vậy.

?

Tuân Nguyễn cho tôi biết về Hà Nội đã được gần một tháng.

Tôi nói :

- Thế mà đến hôm nay cậu mới gặp mình. Tệ quá !

- Vừa đặt chân xuống Hà Nội, mình đã nghĩ về với cậu - Tuân nói - Nhưng nghĩ lại thấy chưa nên. Cậu đang gặp khó khăn, mình lại về tụ bạ với cậu, sẽ không hay cho cả hai... Tiệm đường, mình ghé vào nhà vợ chồng Tạ Vũ. Vừa trông thấy mình cả hai đều khóc. Vợ Tạ Vũ nói : " Anh cứ ở lại đây, chúng ta rau cháo nuôi nhau ". Nhưng có lẽ mình phải tìm một chỗ ở khác. Cuộc sống của vợ chồng Tạ Vũ cũng quẩn quất. Hai vợ chồng, ba đứa con chui rúc trong cái túp chỉ hơn chục mét vuông, và gần như sống trên một đồng giẻ rách...

Sắp đứng lên ra về, Tuân Nguyễn như chợt nhớ điều gì.

- Ơ này, cậu có đồng tiền vàng nào không ?

Tôi ngạc nhiên :

- Đồng tiền vàng nào ?

- Thì... đồng tiền vàng ấy mà... Cuối cùng, đến hôm nay mình vẫn chưa được biết mặt mũi nó thế nào...

Tôi bật cười mà hai mắt cay lệ. Tôi ôm lấy đôi vai lực cực những xương của bạn nói :

- Chán quá, mình không có... Một ước muốn nhỏ nhoi như vậy mà mười năm không thực hiện được

thì kể ra cũng... vui thật. Cuộc đời vui quá, không buồn được. - tôi ngâm to câu thơ của chính cậu ta làm - Nhưng mình nhất định sẽ lòng cho cậu hẳn một chục đồng tiền vàng, xem thoải mái !

- Lần này không phải chỉ để xem, - Tuấn nói - mà mình sẽ dùng. Được hẳn một chục đồng thì còn gì bằng ! Mình lại sắp lấy vợ...

- Lấy vợ ? Mới một tháng trở về với cỗi tục mà cậu đã tìm được vợ thì tài thật ! Không phải cái cô mà cậu gọi nhầm tên ấy chứ ?

- Người mình định lấy chắc cậu cũng biết.

- Ai thế ?

- Phương Thuý, con cụ Hoài Chân, một trong hai tác giả cuốn Thi nhân Việt Nam.

- Phương Thuý thì mình biết quá, làm thơ, dạy đàn tam thập lục ở nhạc viện Hà Nội. Nhưng chồng cô ta là một tiến sĩ vật lý danh tiếng kia mà.

- Phương Thuý vừa làm xong thủ tục ly dị...

- Bỏ một tiến sĩ vật lý danh tiếng để lấy một anh tù vừa được tha sau mười năm lưu đày ! - tôi cười to - Ngay cả thiên tài như Đốt cũng không nghĩ ra được một tình huống cắc cớ đến như vậy !

?

Tuân Nguyễn và Phương Thuý lấy nhau sau đó một tháng, Thuý đem tất cả số tiền dành dụm được, rồi bạn hữu gom góp thêm, mua một gian buồng sáu mét vuông gần ga Hàng Cỏ. Bạn hữu xúm lại xây " tổ ấm " cho cặp vợ chồng muộn màng. Người góp nôi, người góp xoong, bếp dầu, chén bát, bàn viết, ghế ngồi, giá sách, giường... bằng gỗ tạp. Hoạ sĩ Chu Hoạch góp một bức chân dung Đốt, treo trước bàn viết. Tôi và hoạ sĩ Huy Quang chở từ Nghi Tàm lên mấy cây tre, đóng một cái chạn để bát đĩa xoong nôi... Gian buồng tuy hẹp nhưng xem chừng cũng tươi.

Ngày còn ở trại, Tuấn Nguyễn học thêm được nghề đánh véc-ni. Tuấn cùng một người bạn, một nhà thơ cũng thất cơ lỡ vận, tên là Lương Vĩnh, đi đánh véc-ni thuê. Nghề đánh véc-ni cũng kiếm được ngày hai bữa gạo. Tuấn nói với tôi :

- Chỉ sợ một nãi làm nghề này lâu, nó nhiễm vào văn chương thì bỏ mẹ.

Tuân lại bắt tay vào ghi chép và chuẩn bị làm lại cuốn tiểu thuyết dở dang. Nhưng cậu ta không còn có cái háo hức, say mê như mười năm trước đây. Nhiều lúc tôi đến thăm, bắt gặp Tuấn nằm thừ trên giường, mắt lơ đãng nhìn lên trần nhà, mặt buồn rười rượi. Trên bàn viết, tập giấy trắng, cuốn sổ tay nằm chỏng chơ với quản bút...

Một hôm, chỉ có hai đứa với nhau, tôi hỏi :

- Cậu có hạnh phúc không ?

Tuân một tay chống má, ánh mắt lơ đãng, khẽ lắc đầu, trả lời giọng xa vắng :

- Mình đang định nghĩa lại hạnh phúc... Mình như người ngủ và đang mơ một giấc mơ quá đẹp, bỗng có người dựng cổ mình dậy một cách thô bạo... Cho đến lúc này mình vẫn bàng hoàng chưa tỉnh hẳn. Điều cảm nhận đầu tiên sau khi bị lôi ra khỏi giấc mơ là trong người mình có cái gì đó rạn vỡ, gãy nát, giống như một thứ đồ chơi trẻ con ruột bị gãy mất bánh xe, đứt mất dây cót... Hình dáng bên ngoài vẫn còn đấy nhưng không cử động được nữa... Đến nỗi bây giờ có lúc mình nghi ngờ cả bức thông điệp của Dostoevsky : " Cái đẹp cứu chuộc nhân loại ". Mình sợ rằng nhân loại không còn cách gì cứu chuộc được nữa... Nhân loại đã bước sang Giờ thứ hăm lăm... Cậu đã đọc Georghiu chưa ?

Tôi khẽ gật đầu.

?

" ở hiền gặp lành ". Đạo lý này tôi được dạy dỗ từ thuở ấu thơ. Nhưng khi nhận được tin Tuấn Nguyễn chết vì tai nạn giao thông, niềm tin vào đạo lý này lung lay trong tôi. Tôi đau đớn tự hỏi : " Người bạn thân thiết của tôi sống hiền đến như vậy, tại sao chỉ gặp toàn điều dữ ? "

Sau ngày đất nước thống nhất được ít lâu, một người học trò cũ của Tuấn từ Saigon ra Hà Nội, tìm gặp thầy và nói: "Ấp Thừa thầy, hiện nay em là Hiệu trưởng một trường vừa học vừa làm. Nếu thầy chuyển vào Saigon, em xin hứa sẽ bố trí thầy vào làm việc ở trường, đưa thầy vào biên chế. Như vậy thầy sẽ có lương tháng đều đặn, và có một chỗ ở tử tế trong khu tập thể của cán bộ trường. Em tin rằng chỉ mất một thời gian ngắn, cuộc sống của thầy sẽ đi vào ổn định, và thầy có thì giờ để thực hiện tác phẩm mà suốt đời thầy mơ ước ".

Vợ chồng Tuấn Nguyễn nghe theo lời khuyên của bạn hữu, quyết định vào cư trú ở Saigon. Tuấn để lại gian buồng cho người chủ cũ, cũng với giá bán 600 đồng ; mặc dầu lúc này giá nhà đang lên, có thể bán lại cho người khác từ 800 đến 1 000 đồng. Tuấn nói :

- Mình mua của người ta sáu trăm, mình có quyền gì được bán lại một nghìn ?

Chúng tôi đành cười trước lý lẽ gàn dở của cậu ta. Tôi nói :

- Cậu là người của thời Nghiêu Thuấn còn sót lại trên thế gian này.

Trước hôm vợ chồng Tuấn lên tàu liên vận vào Nam, chúng tôi dọn sạch gian buồng để trả lại cho chủ cũ, và tổ chức một buổi liên hoan tiễn đưa. Bạn hữu đến dự ngồi chật kín gian buồng. Người nào cũng mang theo quà bánh, áo quần, tiền, thơ, tranh... tặng hai vợ chồng làm vốn dặt lưng. Tiệc chia tay chỉ có mấy chai rượu trắng, một ít lạc rang.

Tôi nhớ, hôm đó tôi mang tất cả số tiền bán cá định đưa về cho vợ, biếu vợ chồng Tuấn. Đâu chỉ có hơn chục đồng, toàn tiền lẻ nhàu nát và tanh sức mùi cá.

Tuấn hỏi :

- Cậu không có thơ tặng mình à ? Bây giờ mình lại thấy yêu những bài thơ tràng giang đại hải, sắc mùi lính tráng của cậu.

Tôi cười :

- Bạn hữu hôm nay đã làm thơ về cậu quá hay. Nói như kiểu Lý Bạch hôm định đến đề thơ ở Hoàng Hạc Lâu : " Trước mặt có Tuấn Nguyễn, nhưng vì thơ của bạn hữu đã xếp đầy nhà, nên không thể nói nên lời ".

Sau khi uống cạn ba chén đầy, niềm cảm hứng thơ chợt oà đến trong tôi. Tôi nói :

- Tôi không làm nổi thơ để tặng hai vợ chồng cậu, nhưng chợt nghĩ được mấy vần nôôm na, tặng gian buồng khổn khó này.

Có nơi nào trên trái đất này

Mật độ nhà thơ như ở đây ?

Ba thước vuông sáu nhà thơ ngồi

Hai phải đứng vì không đủ chỗ...

Có nơi nào trên trái đất này

Mật độ đắng cay như ở đây ?

Chín người - mười cuộc đời rạn vỡ

Bị ruồng bỏ và bị lưu đầy...

Có nơi nào trên trái đất này

Mật độ đam mê như ở đây ?

Yêu đến phải vào nhà thương điên

Thơ đến phải bị còng tay...

Có nơi nào trên trái đất này

Mật độ cô đơn như ở đây ?

Một đám trẻ bơ vơ không nhà cửa

Sống bằng thơ đau với rượu cay...

Có nơi nào trên trái đất này

Mật độ yêu thương như ở đây ?

Mỗi tấc đất có một người quỳ gối

Dâng trái tim và nước mắt

Cho nỗi đau của cả loài người...

Có nơi nào trên trái đất này ?...

Có nơi nào trên trái đất này ?...

Có nơi nào trên trái đất này ?..

?

Một buổi chiều cuối tháng ba âm lịch 1981 - một buổi chiều định mệnh - đúng vào năm Tuất bốn mươi chín tuổi..., cậu ta đạp chiếc xe mini tòng tọc đi lấy báo về cho sạp báo của vợ. Xấp báo xếp đầy trước giỏ xe. Đường phố Saigon xe cộ như mắc cửi. Tuấn đạp rất chậm, gần sát lề đường. Cậu ta biết mình có tật vừa đạp xe vừa nghĩ ngợi miên man, lại thêm cận thị nặng nên " tránh xe chằng xấu mặt nào ". Đến một quãng đường vắng, Tuấn đạp xe nhanh hơn. Một chiếc xe tải còi sồ lòi, vừa lòi vừa bóp còi inh ỏi. Tuấn Nguyễn không nghe thấy gì. Có lẽ cậu ta còn mê mải nghĩ đến một ý thơ hoặc một chi tiết tiểu thuyết chợt ập đến trong đầu... Cậu ta cứ mãi miết đạp xe, và đạp thẳng đến đít thùng xe. Cậu ta bỗng thấy trán mình va phải vật gì cứng cứng. Chưa kịp hiểu vật gì thì cậu ta đã ngã lăn ra lề đường, kính trắng văng một nơi, xấp báo văng khỏi giỏ ê. Người lái xe hốt hải phanh xe lại, bánh xe sau cách Tuấn đâu chỉ hơn một mét.

Người lái xe giúp Tuấn đứng lên, lo lắng hỏi :

- Ông có sao không ? Tuấn nói không sao, chỉ thấy đầu văng vất. - Tôi bóp còi liên tục mà sao ông không nghe tiếng ? - Xin lỗi anh, tại tôi đang trí... Tất cả là lỗi tại tôi. - Tuấn ấp úng. Người lái xe ngơ ngác nhìn nạn nhân của mình. Có lẽ đây là lần đầu tiên trong lịch sử tai nạn giao thông người bị đụng xe lại đi xin lỗi tài xế.

" Hay ông ta bị bệnh tâm thần ? " Một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu anh tài xế. Bây giờ tốt nhất là lên xe phóng đi, tránh được mọi chuyện rắc rối rầy rà. Nhưng cái vẻ hiền lành đến ngơ ngác của nạn nhân đã giữ chân anh ta lại.

- Ông công tác gì ?

- Tôi chẳng công tác gì cả. Tôi làm... thơ - Tuấn lau cặp kính trắng, trả lời - May quá, nó văng xa thế mà không vỡ.

- Nhà ông ở đâu, để tôi đưa ông về ?

Tuân nói địa chỉ nhà mình, rồi xua tay :

- Tôi về một mình được, nhà tôi ở gần đây thôi. Anh cứ lái xe đi, chắc anh đang có việc vội.

Tuân đạp xe về nhà, kể cho vợ nghe chuyện vừa xảy ra. Vừa ngồi xuống mâm cơm, cậu ta bỗng thấy buồn nôn. Tuân bỏ bát đĩa, lên giường nằm, rồi một cơn sốt bắt đầu. Đêm đó Tuân chìm vào mê sảng.

Sáng hôm sau, Phương Thuý đưa Tuân vào cấp cứu ở Bệnh viện Chợ Rẫy. Sau khi khám nghiệm, bác sĩ cho biết Tuân bị xuất huyết não. Suốt một tuần liền, Tuân Nguyễn lúc mê, lúc tỉnh.

Người lái xe tìm đến thăm nạn nhân của mình ở bệnh viện. Nhiều lần anh ta xin với vợ và bạn hữu nạn nhân cho được chịu hết phí tổn, nếu cần phải thực hiện ca mổ. Nhưng bác sĩ lắc đầu : " Muộn mất rồi ! "

Chiều ngày 27 tháng 3 âm lịch, Tuân Nguyễn trút hơi thở cuối cùng trên giường bệnh viện. Trước khi chết, Tuân chỉ để lại độc một lời trần trối :

- Đừng bắt tội người lái xe. Cái kết cục buồn thảm này là lỗi tại tôi... Tôi là người có lỗi...

Nghe Phương Thuý và bạn hữu kể lại giây phút cuối cùng của Tuân, tôi bàng hoàng chột nhốt lại hôm Tuân về chơi với tôi ở Nghi Tàm.

Hôm đó Tuân ở lại với tôi suốt ngày.

Tuân nói :

- Mình định viết một bài thơ dài, nhan đề : Tôi có lỗi. Tuân nói rõ thêm : chữ Tôi ở đây phải viết hoa. Vì Tôi ở đây là nghệ sĩ và trí thức chân chính của đất nước. Tôi có trách nhiệm với tất cả những lỗi lầm, những oan uổng, đớn đau, những xấu xa, hèn mạt, đáng lạng nhục và xúc phạm con người. Trong mọi chuyện, chính Tôi là người có lỗi. Vì Tôi chưa đem hết sức mình thực hiện sứ mệnh cao cả mà Thượng đế đã đặc trao cho người nghệ sĩ.

Phùng Quán

(1) Kiểm tra kỹ thuật.

(2) Tuân Nguyễn lầm. Anh bị bắt, rồi trở thành người tù không có án.